

Bản án số: 325/2022/HS-ST
Ngày 03 tháng 11 năm 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Thuận

Ông Nguyễn Văn Bân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Z

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Z mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 325/2022/TLST – HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2022/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Nhật V (*Tên thường gọi là Ca*), sinh năm 1992, tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ 3 Thành Đạt, Hòn Rớ, xã PD, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc V và bà Huỳnh Thị S. Tiền sự: không. Tiền án:

Bản án số 78/2016/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù về tội: “Cướp giật tài sản”. (*Quyết định thi hành án số 30/2016/QĐ - CA ngày 12/9/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Z, Quyết định truy nã số 23 ngày 11/01/2017 và Quyết định đình nã số 04/QĐĐN-THAHS ngày 08/02/2021 của Cơ quan thi hành án hình sự – Công an tỉnh Khánh Hòa*).

Nhân thân: Bản án số 13/2011/HSPT ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù về tội: “Cướp giật tài sản”. (Chấp hành xong ngày 21/8/2011; Chấp hành phần án phí của bản án ngày 28/7/2011).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 01 năm 2021 đến ngày 17 tháng 6 năm 2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Có mặt.

2. Nguyễn Quốc T (*Tên thường gọi là Tý*), sinh năm 1986, tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Lương Sơn 3, xã VL, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X. Có vợ Phạm Thị Kim C, có hai con con lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền

sự: không. Nhân thân: Bản án số 93/2005/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2005 của Tòa án nhân dân thành phố Z xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09 tháng 2 năm 2010. Đã chấp hành án phí của bản án.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Có mặt.

3. Ngô Văn Đ, sinh năm 1990, tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ 44 Sơn Thủy, phường VP, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn H và bà Hà Thị T. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Có mặt.

4. Phạm Văn C, sinh năm 1984, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: thôn Tuân Thừa, xã Ninh Bình, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T và bà Nguyễn Thị M. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Có mặt.

** Bị hại:*

- Chị Trần Ngọc Lam P, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Tổ 20 Hòn Nghê, xã VN, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh Huỳnh Anh K, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Tổ 21 Hòn Nghê, xã VN, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992; Nơi cư trú: 100 Phú Nông, xã VN, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh Chu Văn H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: 261/28/24/3 Lương Định Của, xã VN, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn Phước Điền, xã PD, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh Trần Văn L, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Tổ 24 Tây B, phường VH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ 20 Hòn Nghê, xã VN, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh Nguyễn Trọng M, sinh năm 1985; Nơi cư trú: 40 SB, phường VH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh, chị Trương Vinh D, Đặng Phú H; Đồng nơi cư trú: 111 Nguyễn Chíich, phường VH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh Nguyễn Phước V, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ 3 Đông Bắc, phường Vĩnh Hải, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh, chị Phan Thị Mộng T, Nguyễn Phi H; Đồng nơi cư trú: 211 đường 2/4 phường VH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Chị Nguyễn Thúy V, sinh năm 1994; Nơi cư trú: 209 đường 2/4, phường Vĩnh Hòa, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh Lê Quốc H, sinh năm 1970; Nơi cư trú: 107/2 Bắc Sơn, phường VH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 1959; Nơi cư trú: 63/94 Ngô Đền, phường VP, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Trung Nam, Diên Toàn, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1957; Nơi cư trú: ĐM, thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Chị Phạm Thị Bích H, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ 7 Hà Ra, phường VP, thành Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Tiên Du, NP, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh/chị Huỳnh Bảo X, sinh năm 1977; Nơi cư trú: 290 đường 2/4, phường VH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Thôn LS, xã VL, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Chị Trần Thị L, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Tân Mỹ, NX, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

(Bà Cúc có mặt, tất cả những người bị hại khác đều vắng mặt)

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; Nơi cư trú: 150/26 Ngô Đền, phường VP, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Lê Thị C, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Tổ 20 Hòn Nghê, xã VN, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa.

- Chị Nguyễn Thị Yến T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tuân thừa, Ninh Bình, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

(Bà T có mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt).

** Đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Nhật V:* Ông bà Trần Ngọc V, Huỳnh Thị S. Đồng nơi cư trú: Thành Đạt, Hòn Rớ, xã PĐ, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

** Người bào chữa cho bị cáo Trần Nhật V:* Ông, bà Phan Biên Cường, Phạm Trần Nhật Thảo – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Khánh Hòa. Bà Thảo có mặt, ông Cường vắng mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C:* Ông Lê Văn Trường, Luật sư – Văn phòng luật sư Văn Trường thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 24 tháng 01 năm 2021, Nguyễn Quốc T cùng Trần Nhật V, Ngô Văn Đ và Phạm Văn C ngồi ăn uống tại quán Cây Trứng Cá ở địa chỉ 328 đường 2 tháng 4, phường VH, thành phố Z. Trong lúc ăn uống, V rủ cả nhóm đến tới đi thu tiền “bảo kê” của một số người bán hàng trên vỉa hè đường 2/4, đoạn từ trước làng trẻ em SOS ở số 229 đường 2/4 Đồng Đế, Phường VH, Thành phố Z đến góc đường 2 tháng 4 giao với đường Trần Quang D, phường VH, thành phố Z, mục đích để lấy tiền ăn uống. Nghe V nói vậy thì T, Đ và C đều đồng ý tham gia. Khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, Đ đi mua một cây súng nhựa tại một tiệm tạp hóa trong khu vực Sơn Thủy, phường VP, thành

phố Z rồi đến quán Cây Trứng Cá tiếp tục ngồi ăn uống cùng V, T và C. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, C ngồi tại quán còn Đ, V và T cùng đi bộ qua đường 2 tháng 4, dùng súng, dao, dây thắt lưng đe dọa, đánh và ép buộc một số chủ tiệm bán đồ trên vỉa hè dọc theo đường 2 tháng 4 để đòi tiền bảo kê. Cụ thể như sau:

Vụ 1: Đ, V, T đi bộ đến chỗ bán quần áo của chị Trần Ngọc Lam P tại trước Làng trẻ em SOS, Đ dùng súng đe dọa, còn V bắt chị P phải đóng 40.000 đồng/ngày. Chị P sợ nên đã đưa 40.000 đồng cho V.

Vụ 2: Đ, V, T đi bộ đến chỗ bán quần áo của anh Huỳnh Anh K trước Làng trẻ em SOS, Đ dùng súng dí vào cổ, bắt anh K đóng 30.000 đồng/ngày. Anh K năn nỉ thì bị T dùng tay trái đấm vào mặt 01 cái. Anh K sợ nên đã đưa 30.000 đồng cho V.

Vụ 3: Đ, V, T đến chỗ bán hàng gia dụng của chị Nguyễn Thị Thu H tại góc đường 2 tháng 4 giao với đường Trần Quang Diệu, phường VH, thành phố Z. V đe dọa, bắt chị H đóng 40.000 đồng/ngày, T rút thắt lưng dọa đánh, Đ dí súng trước trán, chị H sợ nên lấy 40.000 đồng đưa V.

Vụ 4: Đ, V, T đến chỗ bán quần áo của anh Chu Văn H trước cổng phụ Làng trẻ em SOS, Đ dí súng vào trán phải anh H đe dọa, đòi anh H đóng 50.000 đồng/ngày, cả nhóm bỏ đi. Khoảng 15 phút sau, cả nhóm quay lại, Đ đang đòi tiền, anh H chưa chịu đưa thì T đứng sau lưng anh H dùng dây thắt lưng đánh từ sau đến phía trước trúng ngực anh H, chị H vợ anh H sợ nên lấy 30.000 đồng đưa cho Đ, cả nhóm bỏ đi.

Vụ 5: Đ, V, T đến chỗ bán giày dép, quần áo của anh Nguyễn Xuân T trước cổng chính Làng trẻ em SOS. V, Đ đe dọa, bắt anh T đóng 50.000 đồng/ngày, T lấy dây thắt lưng đánh anh T là anh của T đang đến chơi, Đ dí súng vào cổ họng anh T, V cầm dao dọa đâm anh T rồi cả nhóm bỏ đi. Khoảng 10 phút sau cả nhóm quay lại, V bắt anh T đưa trước 30.000 đồng, V cầm tiền bỏ đi.

Vụ 6: Đ, V đến chỗ bán quần áo của anh Trần Văn L trước Làng trẻ em SOS. Đ đe dọa, bắt anh L đóng 50.000 đồng/ngày rồi cả nhóm bỏ đi. Khoảng 05 phút sau cả nhóm quay lại, Đ bắt anh L đưa 50.000 đồng, do thấy các chủ hàng khác bị đánh và sợ phá đồ nên anh L đưa 50.000 đồng, Đ cầm tiền bỏ đi.

Vụ 7: Sau khi đi bộ lấy tiền của các quán trên, Đ, V, T quay lại quán Cây Trứng Cá cùng với C lấy xe máy tiếp tục đi thu tiền “bảo kê”. Khi đến chỗ bán lồng đèn của chị Nguyễn Thị Như Q trước Làng trẻ em SOS; V, C bắt chị Q đóng 40.000 đồng/ngày rồi cả nhóm bỏ đi. Khoảng 20 phút sau cả nhóm quay lại, Đ dùng súng đe dọa, Trút dây thắt lưng dọa đánh, chị Q sợ nên đã đưa 30.000 đồng cho V. Sau đó, cả nhóm bỏ đi.

Vụ 8: Đ, V, T, C đến quán phở gõ ngay góc đường 2 tháng 4 giao với đường NQ, phường VH, thành phố Z của anh Nguyễn Trọng M. Lúc này, V đe dọa, dùng tay khoác vai anh M, đòi thu 30.000 đồng. Anh M thắc mắc thì T dùng tay đấm vào mặt anh M một cái làm anh M sợ nên phải lấy 30.000 đồng đưa cho V. Sau đó, cả nhóm bỏ đi.

Vụ 9: Đ, V, T đến chỗ bán quần áo của chị Trương Vinh D trước Làng trẻ em SOS, Đ đe dọa, V bắt chị D đóng 40.000 đồng/ngày rồi bỏ đi. Khoảng 15 phút

sau, V, Đ, T quay lại, Đ cầm súng đe dọa, T dùng tay đâm vào mặt bên phải của chồng chị D là anh Đặng Phú H, chị D sợ quá lấy 40.000 đồng đưa V. V đe dọa chị D không được báo công an rồi cả nhóm bỏ đi.

Vụ 10: Đ, V, T đến chỗ buôn bán dây thắt lưng, ví tiền của anh Nguyễn Phước V trước Làng trẻ em SOS, Vy bóp cổ, bắt anh đóng 50.000 đồng/ngày, T lấy của anh V 02 sợi dây thắt lưng sau đó trả lại. Cả nhóm bỏ đi đến chỗ khác, khi quay lại thì anh V đã bỏ đi nên không lấy được tiền.

Vụ 11: Đ, V, T, C đến tiệm bán bánh mì trước nhà số 211 đường 2/4, phường VH, thành phố Z của vợ chồng chị Phan Thị Mộng T và anh Nguyễn Phi H, Đ bắt chị T đóng 20.000 đồng/ngày. Anh H đi từ trong nhà ra, nghe vậy liền phản ứng thì bị Đ chửi, rút súng đe dọa, V cầm dao xông vào dọa đánh. Anh H vào nhà lấy gậy đánh golf ra đánh lại. Lúc này thấy người dân đến xem đông nên cả nhóm bỏ chạy, bỏ lại xe máy hiệu SYM Elegant màu xanh đen, biển kiểm soát: 79H1 – 471.71. Vợ chồng anh H, chị T đến công an phường VH trình báo.

Tiến hành truy xét, khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, tổ công tác Công an phường VH phối hợp với K02 Bộ Công an đã đưa Trần Nhật V, Ngô Văn Đ, Nguyễn Quốc T, Phạm Văn C về trụ sở làm việc, qua đầu tranh các đối tượng đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp tài sản như trên.

Tại bản kết luận giám định 76/GĐ-GT/2021 ngày 05/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Mẫu vật giám định là loại súng đồ chơi nguy hiểm; không phải: súng săn, vũ khí thể thao và công cụ hỗ trợ; không phải vũ khí quân dụng, không có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và không có bộ phận nào là của vũ khí quân dụng.

Cáo trạng số 124/CT-VKS ngày 28 tháng 4 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z truy tố bị cáo Trần Nhật V về tội “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Ngô Văn Đ, Nguyễn Quốc T, Phạm Văn C về tội “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Z giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được Hội đồng xét xử thẩm vấn công khai. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Nhật V, Xử phạt bị cáo từ 09 đến 11 năm tù và áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng của Bản án 78/2016/HSST ngày 27/7/2016 đối với bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Quốc T, Ngô Văn Đ. Xử phạt mỗi bị cáo từ 08 đến 10 tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn C. Xử phạt bị cáo 7 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng; trách nhiệm dân sự; án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật.

* *Người bào chữa cho bị cáo Trần Nhật V phát biểu lời bào chữa:* Đồng ý với tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố đối với bị cáo V. Tuy nhiên, mong Hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh gia đình cũng như tình trạng sức khỏe hiện tại của bị cáo V khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt quy định.

* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C phát biểu lời bào chữa:* Đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, bởi lẽ không có sự bàn bạc thống nhất giữa các đồng phạm trong việc sử dụng hung khí để phạm tội. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn C có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo dưới khung hình phạt tại Điều 168 Bộ luật hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong giai đoạn điều tra truy tố, bị cáo Trần Nhật V bị mắc chứng bệnh làm liệt tứ chi, không có khả năng nói được nên Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng giám định khả năng điều khiển hành vi cũng như tâm thần đối với bị cáo V nhưng không được chấp nhận. Tại hồ sơ bệnh án thu thập có trong hồ sơ thể hiện: không có bằng chứng bệnh neuron thần kinh vận động; không có bệnh đa rễ thần kinh. Hiện tại chưa có bằng chứng tổn thương rễ. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị cáo thừa nhận: từ nhỏ cho đến trước thời điểm ngày 24/01/2021, bị cáo sinh hoạt bình thường, các chức năng vận động tốt, tình trạng sức khỏe tinh thần bình thường nên chưa từng phải điều trị bệnh lý liên quan đến tâm thần; Mặc khác, tại phiên tòa tuy bị cáo không thể trình bày bằng giọng nói nhưng tinh thần vẫn đủ tỉnh táo, minh mẫn và nhận thức được hành vi của mình và người đại diện hợp pháp cho bị cáo cũng như người bào chữa cho bị cáo có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo. Do đó, việc xét xử bị cáo Trần Nhật V trong vụ án này vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 60; Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của cơ

quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 01 năm 2021 trên đường 2/4 đoạn trước làng SOS đến khu vực giao nhau với đường Trần Quang D; Trần Nhật V, Nguyễn Quốc T, Ngô Văn Đ và Phạm Văn C đã có hành vi đe dọa dùng vũ lực, dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho người bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của họ cụ thể: Trần Ngọc Lam P là 40.000đồng; Huỳnh Anh K là 30.000đồng; Nguyễn Thị Thu H là 40.000đồng; Chu Văn H là 30.000đồng; Nguyễn Xuân T là 30.000đồng; Trần Văn L là 50.000đồng; Nguyễn Thị Như Q là 30.000đồng; Nguyễn Trọng M là 30.000đồng; Trương Vinh D là 40.000đồng; Nguyễn Phước V là 50.000đồng và Phan Thị Mộng T là 20.000đồng. Tổng số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 320.000đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 124/CT-VKSNT ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[4] *Về tình tiết định khung hình phạt:* Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C cho rằng không có sự bàn bạc thống nhất về việc sử dụng hung khí để phạm tội nên đề nghị không áp dụng tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này, mặc dù không có sự bàn bạc về việc sử dụng hung khí nào để phạm tội nhưng bị cáo Trần Nhật V đã dùng dao, Ngô Văn Đ dùng súng nhựa, Nguyễn Quốc T dùng dây thắt lưng và cùng với bị cáo Phạm Văn C thực hiện nhiều hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết định khung hình phạt “*Sử dụng vũ khí, phương tiện*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Trần Nhật V đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do lỗi cố ý chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết định khung hình phạt “*Tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Nhật V.

[5] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

Các bị cáo đã phạm tội 02 lần trở lên nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo;

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo C. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gây tâm lý hoang mang lo sợ, tổn hại về

tinh thần, ảnh hưởng đến nhu cầu kinh doanh buôn bán của nhiều tiểu thương tại khu vực này nên lập luận của người bào chữa không có cơ sở để chấp nhận.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; Riêng bị cáo Phạm Văn C có thời gian tham gia quân ngũ; gia đình có công với cách mạng; Bản thân bị cáo Phạm Văn C và Ngô Văn Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo Đ và C.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, uy hiếp và đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và tinh thần đối với bị hại, gây mất trật tự và bất bình trong dư luận nhân dân nên cần xử phạt nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó, bị cáo Trần Nhật V là người chủ mưu, khởi xướng và cũng là người thực hành tích cực; Các bị cáo Nguyễn Quốc T, Ngô Văn Đ và Phạm Văn C tham gia đồng phạm với vai trò là người thực hành. Xét vai trò tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và vai trò trong đồng phạm. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử lý nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo; Trong đó, bị cáo Trần Nhật V áp dụng mức hình phạt cao nhất trong đồng phạm; Bị cáo Phạm Quốc T áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo Ngô Văn Đ và Phạm Văn C nhưng thấp hơn mức hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Trần Nhật V. Bị cáo Phạm Văn C áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] *Về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án:*

Bản án số 78/2016/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa xử phạt Trần Nhật V 03 năm 06 tháng tù về tội: “Cướp giật tài sản”. *(Quyết định thi hành án số 30/2016/QĐ - CA ngày 12/9/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Z, Quyết định truy nã số 23 ngày 11/01/2017 và Quyết định đình nã số 04/QĐĐN-THAHS ngày 08/02/2021 của Cơ quan thi hành án hình sự – Công an tỉnh Khánh Hòa)* nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[8] Ngoài các vụ cướp trên, Đ, V, T còn đến chỗ bán ốc của bà Nguyễn Thị T (sinh năm: 1969, trú: 150/26 Ngô Đền, phường Vĩnh Phước, thành phố Z) tại vỉa hè tổ 20 Tây Bắc, phường VH, thành phố Z, Đ đi vào nói bà T phải đóng 20.000 đồng/ngày từ ngày mai, sau đó cả nhóm bỏ đi. Đ, V, T, C tiếp tục đến chỗ bán trứng vịt lộn của bà Lê Thị C (sinh năm: 1958, trú: tổ 20 Hòn Nghê, xã VN, thành phố Z) tại ngã giao nhau giữa đường 2 tháng 4 với đường Phước Huệ, phường VH, thành phố Z. Đ nói bà C đóng 20.000 đồng/ngày từ ngày mai rồi cả nhóm bỏ đi. Đối với 2 vụ này, Tòa án nhân dân thành phố Z đã trả hồ sơ điều tra bổ sung làm rõ, qua lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa và lời trình bày của bà T và bà C thì thấy rằng các bị cáo không dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực

ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho bà T, bà C lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản cũng như không có hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực nếu hôm sau bà T và bà C không đưa tiền cho các bị cáo nên hành vi của Đ, V, T, C ở hai vụ này chưa có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cướp tài sản hoặc cưỡng đoạt tài sản.

Đối với khẩu súng nhựa mà Ngô Văn Đ đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội là loại súng đồ chơi nguy hiểm; không phải: súng săn, vũ khí thể thao và công cụ hỗ trợ; không phải vũ khí quân dụng, không có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và không có bộ phận nào là của vũ khí quân dụng. (Bản kết luận giám định 76/GĐ-GT/2021 ngày 05/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa).

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại bà Phạm Thị C có mặt nhưng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Những bị hại khác và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[10] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ:

- Số tiền 320.000đồng là tài sản do phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 sợi dây thắt lưng da màu nâu; 01 súng nhựa màu đen; 01 dao Thái Lan cán nhựa màu vàng dài khoảng 20cm là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy

(Theo biên bản giao nhận ngày 13/01/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z; Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 11/11/2021).

[11] Về án phí: Các bị cáo Trần Nhật V, Nguyễn Quốc T, Ngô Văn Đ, Phạm Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Nhật V.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Nhật V 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng** tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án số 78/2016/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã N H, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội: “Cướp giật tài sản”; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là **12 (Mười hai) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam đi thi hành án. (Được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25 tháng 01 năm 2021 đến ngày 17 tháng 6 năm 2021).

* Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quốc T.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Quốc T 08 (Tám) năm** tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25 tháng 01 năm 2021.

* Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Văn Đ.

Xử phạt: Bị cáo **Ngô Văn Đ 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng** tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25 tháng 01 năm 2021.

* Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn C.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn C 07 (Bảy) năm** tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25 tháng 01 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Tại phiên tòa, bị hại bà Phạm Thị C có mặt nhưng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Những bị hại khác và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 320.000đồng (*Ba trăm hai mươi ngàn đồng*).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) sợi dây thắt lưng da màu nâu; 01 (Một) súng nhựa màu đen; 01 (Một) dao Thái Lan cán nhựa màu vàng dài khoảng 20cm

(*Theo biên bản giao nhận ngày 13/01/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z; Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 11/11/2021*).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Nhật V, Nguyễn Quốc T, Ngô Văn Đ, Phạm Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- Đường sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Z;
- Công an TP. Z;
- Thi hành án dân sự Z;
- Lưu: Án văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ HẠNG